



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2277.1802>

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO KINH TẾ CỦA HÀN QUỐC: GÓC NHÌN THÔNG QUA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Lê Văn Soán

*Khoa Hàn Quốc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Email: levansoan.kr@gmail.com; 23831061423@hcmussh.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 16/4/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/6/2025; Ngày duyệt đăng: 22/7/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh địa kinh tế, chính sách ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc nổi bật với việc sử dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) để thúc đẩy lợi ích quốc gia và củng cố vị thế quốc tế. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, tập trung vào phân tích chính sách thông qua việc so sánh các FTA mà Hàn Quốc ký kết trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI: FTA với Mỹ, FTA với Trung Quốc và FTA với Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy KORUS FTA đã củng cố quan hệ Mỹ - Hàn về kinh tế và chiến lược, nâng cao tiêu chuẩn pháp lý và mở rộng cơ hội đầu tư song phương. FTA với Trung Quốc giúp Hàn Quốc tận dụng thị trường lớn nhưng cũng bộc lộ rủi ro chiến lược khi xảy ra xung đột chính trị. FTA với Việt Nam là minh chứng cho sự hợp tác chiến lược hiệu quả giữa Hàn Quốc và một nền kinh tế mới nổi, thúc đẩy đầu tư, thương mại mạnh mẽ. Nghiên cứu khẳng định chính sách FTA là công cụ giúp Hàn Quốc quản lý quan hệ kinh tế quốc tế linh hoạt và hiệu quả.

Từ khóa: *Hiệp định thương mại tự do (FTA), hội nhập kinh tế, ngoại giao kinh tế.*

Trích dẫn: Lê, V. S. (2026). Chính sách ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc: Góc nhìn thông qua các hiệp định thương mại tự do. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(4), 88-99. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2277.1802>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

SOUTH KOREA'S ECONOMIC DIPLOMACY: PERSPECTIVES FROM FREE TRADE AGREEMENTS

Le Van Soan

*Faculty of Korean Studies, University of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam*

Email: levansoan.kr@gmail.com; 23831061423@hcmussh.edu.vn

Article history

Received: 16/4/2025; Received in revised form: 18/6/2025; Accepted: 22/7/2025

Abstract

In the context of globalization and geo-economic competition, South Korea's economic diplomacy stands out through the strategic use of free trade agreements (FTA) to advance national interests and enhance its international position. Employing a secondary document analysis methodology, this study focuses on policy analysis by comparing the FTAs South Korea signed during the first two decades of the 21st century: the FTA with the United States, the FTA with China and the FTA with Vietnam. The findings demonstrate that the KORUS FTA strengthened U.S.-Korea economic and strategic relations, elevated legal standards and expanded bilateral investment opportunities. The Korea-China FTA enabled South Korea to capitalize on a large market but revealed strategic vulnerabilities during political conflicts. The FTA with Vietnam exemplifies effective strategic cooperation between South Korea and an emerging economy, significantly boosting investment and trade. This study confirms that FTAs serve as essential tools enabling South Korea to manage international economic relations flexibly and effectively.

Keywords: *Economic diplomacy, economic integration, free trade agreement (FTA).*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ và cạnh tranh địa kinh tế ngày càng quyết liệt, Hàn Quốc nổi lên như một quốc gia tầm trung có vai trò quan trọng nhờ sức mạnh kinh tế và mạng lưới thương mại rộng khắp. Chính sách ngoại giao kinh tế là việc sử dụng các công cụ kinh tế để thúc đẩy lợi ích đối ngoại và đạt được các mục tiêu địa chính trị đã trở thành trụ cột trong chiến lược đối ngoại của Hàn Quốc. Là nền kinh tế đứng thứ 13 thế giới (năm 2024), Hàn Quốc phụ thuộc lớn vào thương mại quốc tế và luôn ủng hộ tự do hóa thương mại. Quốc gia này đã ký kết số lượng hiệp định thương mại tự do (FTA) nhiều nhất thế giới, trong đó có các FTA với cả Mỹ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Việt Nam,... (Wolff & Yeo, 2024). Việc tích cực thiết lập các FTA cho phép Hàn Quốc thúc đẩy xuất khẩu, đảm bảo thị trường đầu ra và nâng cao vị thế ngoại giao trên trường quốc tế. Đồng thời, mạng lưới FTA dày đặc giúp Hàn Quốc giảm thiểu rủi ro trước biến động từ các xung đột thương mại giữa các cường quốc, khi nước này có quan hệ kinh tế sâu rộng với cả Mỹ lẫn Trung Quốc.

Trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, Hàn Quốc đã ký nhiều FTA, qua đó ngoại giao kinh tế được cụ thể hóa thành các thỏa thuận thương mại song phương và khu vực. Đặc biệt, các hiệp định thương mại tự do có thể kể đến là Hiệp định FTA Hàn Quốc - Mỹ (KORUS FTA), Hiệp định FTA Hàn Quốc - Trung Quốc (Korea-China FTA) và Hiệp định FTA Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) đã định hình quan hệ kinh tế đối ngoại của Hàn Quốc với các đối tác. KORUS FTA được ký kết vào năm 2007 (có hiệu lực 2012) thiết lập khuôn khổ hợp tác kinh tế chặt chẽ với đồng minh Mỹ; FTA Hàn Quốc - Trung Quốc được ký kết vào tháng 6 và có hiệu lực vào tháng 12 năm 2015 mở ra kỷ nguyên hợp tác kinh tế sâu rộng với láng giềng siêu cường Trung Quốc. Cùng năm 2015, Hiệp định FTA Hàn Quốc - Việt Nam được ký kết vào tháng 5 và có hiệu lực vào tháng 12, đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, một nền kinh tế đang lên ở Đông Nam Á. Việc phân tích các FTA này sẽ cho thấy bức tranh toàn cảnh về chiến lược ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc thời kỳ đầu thế kỷ XXI, cả về thành công lẫn thách thức, trong bối cảnh Hàn Quốc nỗ lực cân bằng giữa các lợi ích kinh tế và mục tiêu địa chiến lược.

2. Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Ngoại giao kinh tế và chiến lược địa kinh tế

Theo Lowy Institute, “Ngoại giao kinh tế” (Economic diplomacy) là khái niệm chỉ việc Chính phủ sử dụng các nguồn lực và công cụ kinh tế (thương mại, đầu tư, viện trợ,...) để đạt được các mục tiêu đối ngoại, bao gồm cả mục tiêu an ninh và phát triển. Về mặt lý luận, ngoại giao kinh tế gắn liền với khái niệm quyền lực kinh tế trong quan hệ quốc tế, tức khả năng một quốc gia tác động đến quốc gia khác thông qua sức mạnh kinh tế. Theo hướng tiếp cận địa kinh tế (geoeconomics), lợi ích kinh tế và chiến lược an ninh quốc gia ngày càng đan xen; các nước tầm trung như Hàn Quốc tận dụng thương mại và đầu tư như những “đòn bẩy” để nâng cao ảnh hưởng của mình trong cấu trúc quyền lực khu vực. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế trở thành xu thế tất yếu, thì Hiệp định thương mại tự do (FTA) được xem là công cụ quan trọng của ngoại giao kinh tế, giúp xây dựng quan hệ đối tác sâu sắc hơn và hỗ trợ cho hệ thống thương mại đa phương. Hàn Quốc cũng chia sẻ quan điểm rằng các FTA “nếu được ký kết và thực thi đúng luật lệ, có thể bổ sung cho hệ thống thương mại đa phương và góp phần mở cửa thị trường thế giới thông qua thúc đẩy tự do hóa thương mại ở cấp độ song phương và khu vực” (Wefer, 2021). Nói cách khác, FTA được coi là “viên gạch hợp tác” (building block) đối với thương mại tự do toàn cầu.

Từ cuối những năm 1990, trào lưu ký kết FTA bùng nổ trên thế giới đã tác động mạnh đến tư duy chính sách của Hàn Quốc. Trước đó, Hàn Quốc chủ yếu dựa vào hệ thống đa phương (GATT/WTO) và hầu như đứng ngoài các thỏa thuận thương mại khu vực. Cho đến

cuối thập niên 1990, Hàn Quốc là những nền kinh tế chưa tham gia bất kỳ hiệp định thương mại khu vực nào. Tuy nhiên, sự “phủ sóng” của chủ nghĩa khu vực với hàng trăm FTA được ký kết khắp toàn cầu trong thập niên 1990 đã khiến Hàn Quốc phải đổi mới tư duy. Các nhà hoạch định chính sách nhận ra rằng việc bị đứng ngoài các khối liên kết kinh tế khu vực có thể khiến Hàn Quốc mất đi lợi thế cạnh tranh và thị phần xuất khẩu. Hơn nữa, sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998 bộc lộ những yếu kém cấu trúc, Hàn Quốc càng có động lực cải cách kinh tế trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu để phục hồi tăng trưởng. Vì vậy, chính phủ Hàn Quốc chính thức khởi xướng chính sách FTA vào năm 1998, bắt đầu bằng việc tìm kiếm hiệp định với nhiều đối tác. Hàn Quốc nhận định rằng các FTA sẽ giúp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy cạnh tranh trong nước và cải cách thể chế theo chuẩn mực quốc tế (Sohn, 2001). Đây chính là những động lực kết hợp cả yếu tố bên ngoài (sức ép của xu thế FTA toàn cầu) và yếu tố bên trong (nhu cầu nâng cấp nền kinh tế) cho chiến lược ngoại giao kinh tế bằng FTA của Hàn Quốc.

Các nghiên cứu về chính sách FTA của Hàn Quốc chỉ ra rằng nước này coi FTA là một phần của chiến lược trở thành “thị trường mở toàn cầu” và nâng tầm vị thế như một cường quốc tầm trung có trách nhiệm trong hệ thống kinh tế quốc tế. Theo Wefer (2021), từ giữa thập niên 2000, mạng lưới FTA của Hàn Quốc phát triển theo hai hướng: Một là, đào sâu quan hệ với các cường quốc: tiêu biểu là Mỹ và Trung Quốc, nhằm vừa đảm bảo lợi ích kinh tế vừa gắn kết chiến lược với hai thị trường lớn nhất; và hai là, đa dạng hóa đối tác: thông qua FTA với EU (2011), ASEAN (2007-2009), Việt Nam (2015) cùng nhiều nước khác để giảm phụ thuộc và khẳng định vai trò “cầu nối” của một nước tầm trung. Việc ký thành công KORUS FTA và FTA với EU không chỉ mang lại lợi ích thị trường mới, mà còn tăng uy tín và thể mặt cả để Seoul tiến tới đàm phán FTA với Bắc Kinh. Ngược lại, việc hoàn tất FTA với Trung Quốc cũng giúp Hàn Quốc củng cố vị thế ở Đông Á và tạo đối trọng kinh tế trước ảnh hưởng của Nhật Bản và Mỹ trong khu vực.

Bên cạnh các nghiên cứu học thuật, nhiều báo cáo chính phủ từ Hàn Quốc và các nước đối tác (Mỹ, Australia, Việt Nam,...) đã đánh giá cao vai trò của FTA trong chiến lược phát triển của Hàn Quốc. Chẳng hạn, theo Viện Chính sách Kinh tế Quốc tế Hàn Quốc (Korea Institute for International Economic Policy, KIEP), việc ký kết hàng loạt FTA chất lượng cao đã giúp Hàn Quốc “cải thiện hệ thống pháp luật theo chuẩn mực quốc tế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả kinh tế - xã hội”. Chính phủ Australia cũng đã đàm phán FTA với Hàn Quốc (KAFTA, có hiệu lực 2014), nhận định rằng Hàn Quốc là một “FTA power” ở Châu Á và việc Australia thúc đẩy FTA với Hàn Quốc nhằm không bỏ lỡ cơ hội tiếp cận một thị trường năng động đang ngày càng mở cửa (Koo & cs., 2022). Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu đánh giá việc Hàn Quốc tích cực hội nhập kinh tế thông qua FTA đã tạo thuận lợi cho các nước đối tác tận dụng kinh nghiệm và dòng vốn đầu tư từ Hàn Quốc phục vụ phát triển nội tại (Báo Điện tử Chính phủ, 2014). Đồng thời, những thách thức như phụ thuộc lẫn nhau và cạnh tranh địa kinh tế cũng được đề cập. Hàn Quốc phải cân bằng giữa lợi ích an ninh (liên minh với Mỹ) và lợi ích kinh tế (quan hệ với Trung Quốc). Do đó, ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc thời kỳ này là quá trình liên tục điều chỉnh chiến lược để thích ứng với môi trường quốc tế biến động và duy trì tăng trưởng bền vững.

2.2. Sự chuyển dịch chiến lược FTA qua các đời Tổng thống Hàn Quốc

Chính sách FTA của Hàn Quốc đã vận hành khác biệt qua các nhiệm kỳ lãnh đạo. Ở giai đoạn Tổng thống Roh Moo-hyun (2003-2008), Seoul lần đầu chủ động hội nhập FTA toàn cầu. Mặc dù ban đầu Tổng thống Roh nhấn mạnh độc lập và tăng cường quan hệ với Trung Quốc, song chính quyền ông vẫn khởi động đàm phán FTA với Mỹ một cách thực dụng để tận dụng lợi ích kinh tế. Việc khởi động đàm phán KORUS FTA được xem là bước đột phá chiến lược: mở ra thị trường Mỹ, nâng cao chuẩn mực pháp lý trong nước và làm sâu sắc liên minh Mỹ-Hàn

về kinh tế-chiến lược (Park, 2016). Dưới thời Tổng thống Lee Myung-bak (2008-2013), chính sách FTA mang sắc thái thực dụng hơn và mở rộng quy mô. Hàn Quốc tuyên bố “thị trường mở toàn cầu” và ký nhanh hàng loạt FTA mới: hoàn tất KORUS FTA (có hiệu lực 2012), ký FTA với EU (2011),... nhằm vừa tăng trưởng xuất khẩu vừa củng cố vị thế kinh tế. Hàn Quốc cũng nâng cấp quan hệ đồng minh với Mỹ thành “liên minh chiến lược toàn diện” nhiều chiều. Tổng thống Moon Jae-in (2017-2022) kế thừa xu hướng hội nhập toàn cầu nhưng chuyển hướng chiến lược sang khu vực châu Á. Ông khởi xướng “Chính sách hướng Nam mới” để tăng cường quan hệ với ASEAN và Ấn Độ, đồng thời hoàn tất RCEP (FTA khối Đông Á-Đông Nam Á lớn nhất). Tổng thống Moon cũng tái đàm phán một số điều khoản trong KORUS FTA (2018), nhưng luôn cân nhắc các yếu tố phát triển bền vững và bảo vệ người lao động trong các FTA thế hệ mới (Ministry of Foreign Affairs, 2019). Nhìn chung, trải qua các thời kỳ Tổng thống, Hàn Quốc vẫn duy trì chính sách FTA mở rộng nhằm đa dạng hóa thị trường, nâng cao vị thế trung gian và có sự khác biệt chủ yếu ở trọng tâm chính sách.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp. Trước hết, tác giả dùng phương pháp phân tích chính sách để so sánh ba trường hợp FTA (KORUS, Korea-China, VKFTA) nhằm rút ra những điểm tương đồng và khác biệt về bối cảnh, động cơ, nội dung và hệ quả đối với chính sách ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc. Bên cạnh đó, nghiên cứu từng FTA, kết hợp thông tin từ các nghiên cứu khoa học để đưa các phân tích. Các báo cáo chính phủ và tổ chức quốc tế như báo cáo của KIEP, Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc, Bộ Công Thương Việt Nam,... là nguồn cung cấp dữ liệu thực tế và đáng tin cậy. Dùng các nguồn tin từ các trang thông tin uy tín như Korea Herald, The Diplomat,... để cập nhật diễn biến mới nhất liên quan đến FTA. Cách tiếp cận đa nguồn và phân tích tổng hợp này cho phép nhìn nhận một cách khách quan và toàn diện về hiệu quả chính sách ngoại giao kinh tế của Hàn Quốc thông qua các FTA trong giai đoạn nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Vai trò của KORUS FTA trong quan hệ Hàn Quốc - Mỹ

Hiệp định Thương mại Tự do Hàn Quốc - Mỹ được khởi xướng trong bối cảnh Hàn Quốc tìm kiếm bước đột phá chiến lược sau nhiều năm do dự với các FTA. Mặc dù ý tưởng về FTA giữa Seoul và Washington đã được thảo luận từ cuối thập niên 1980, phải đến giữa thập niên 2000 cơ hội mới chín muồi. Khi đó, Hàn Quốc đã thành công với FTA đầu tiên (với Chile, ký năm 2003) và sau đó là đàm phán với EU, ASEAN. Về phía Mỹ, sau khi ký NAFTA (1994), Mỹ ít chú trọng FTA song phương cho tới khi chính quyền Bush (2001-2009) thúc đẩy một loạt FTA với các nước đồng minh chiến lược. Hàn Quốc, với vị thế nền kinh tế lớn trên thế giới, lại là đồng minh thân cận tại Đông Á, đã lọt vào tầm ngắm của Washington. Đàm phán KORUS khởi động tháng 6/2006 và kết thúc nhanh chóng vào tháng 4/2007. Đây là FTA song phương lớn nhất của Mỹ kể từ NAFTA và cũng là FTA đầu tiên của Hàn Quốc với một đối tác thuộc nhóm G7. Tuy ký kết năm 2007, KORUS FTA vấp phải không ít phản đối trong nước (đặc biệt từ nông dân và các nhóm lo ngại về nhập khẩu thịt bò Mỹ), khiến tiến trình phê chuẩn bị trì hoãn. Sau khi hai bên đàm phán bổ sung một số điều khoản (đặc biệt về ô tô) vào năm 2010, hiệp định mới được Quốc hội Hàn Quốc và Mỹ phê chuẩn, chính thức có hiệu lực từ ngày 15/3/2012. Đây là một cột mốc quan trọng, bởi tại thời điểm đó KORUS FTA được đánh giá là hiệp định thương mại tiêu chuẩn cao nhất mà Mỹ từng ký kết (Stangarone, 2022).

KORUS FTA thiết lập một khuôn khổ pháp lý toàn diện điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực thương mại và đầu tư giữa hai nước. Hiệp định gồm 24 chương, cam kết xóa bỏ thuế quan tới 95% số dòng thuế trong vòng 5 năm, mở cửa mạnh mẽ các lĩnh vực như ô tô, dịch vụ tài chính, viễn thông, bảo vệ sở hữu trí tuệ, lao động và môi trường (những lĩnh vực mà các FTA trước

đó của Hàn Quốc chưa đề cập sâu). Đối với Hàn Quốc, KORUS FTA yêu cầu cải cách đáng kể: dỡ bỏ dần hàng rào quan thuế bảo hộ nông nghiệp, thay đổi quy định để minh bạch hóa hoạt động của các tập đoàn công (như trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, viễn thông), tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ theo tiêu chuẩn Mỹ và cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng cạnh tranh, minh bạch. Theo KIEP, KORUS là hiệp định “có mức độ tự do hóa cao nhất” mà Hàn Quốc từng tham gia tính đến thời điểm ký kết, trở thành tiêu chuẩn mẫu để Hàn Quốc thương thảo các FTA sau này với những nền kinh tế phát triển khác. Về phía Mỹ, KORUS FTA mở rộng đáng kể cơ hội cho hàng xuất khẩu nông sản, ô tô, dịch vụ tài chính của Mỹ tiếp cận thị trường Hàn Quốc; đồng thời củng cố khía cạnh kinh tế trong liên minh an ninh Mỹ - Hàn Quốc.

Trên bình diện kinh tế, KORUS FTA đã làm sâu sắc hơn quan hệ thương mại đầu tư song phương, đưa Mỹ trở lại vị trí đối tác kinh tế hàng đầu của Hàn Quốc trong thập niên 2010. Sau 10 năm thực thi, tổng kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều tăng 68%, đạt 169,1 tỷ USD năm 2021 so với 100,8 tỷ năm 2011. Xuất khẩu của Mỹ sang Hàn Quốc tăng 64%, trong khi xuất khẩu của Hàn Quốc sang Mỹ tăng 71%. Nhiều mặt hàng từng gây lo ngại cũng đạt kết quả ấn tượng: xuất khẩu thịt bò Mỹ vào Hàn Quốc tăng hơn gấp đôi (từ 525 triệu USD trước FTA lên 1,1 tỷ USD năm 2021), ô tô Mỹ xuất sang Hàn Quốc tăng gần mười lần (từ 347 triệu năm 2011 lên 3,5 tỷ USD năm 2021) (Stangarone, 2022). Ở chiều ngược lại, các mặt hàng chủ lực của Hàn Quốc như xe hơi, điện tử, thép tiếp cận tốt hơn thị trường Mỹ nhờ dỡ bỏ thuế quan. Hàn Quốc thường xuyên nằm trong top đầu đối tác xuất khẩu lớn nhất của Mỹ và thặng dư thương mại hàng hóa của Hàn Quốc với Mỹ duy trì ở mức hợp lý, tránh được xung đột lớn. Thông qua KORUS, dòng vốn đầu tư trực tiếp hai chiều cũng gia tăng, đặc biệt là vốn đầu tư của các tập đoàn Hàn Quốc (Samsung, Hyundai, SK, LG,...) vào Mỹ mở nhà máy và trung tâm R&D, góp phần tạo việc làm cho cả hai phía.

Về địa chiến lược, KORUS FTA củng cố liên minh Mỹ - Hàn trong bối cảnh trật tự Châu Á - Thái Bình Dương có những biến chuyển. Trước năm 2012, liên minh Mỹ - Hàn chủ yếu dựa trên hợp tác an ninh quân sự; việc bổ sung một trụ cột kinh tế vững chắc giúp quan hệ hai nước trở nên toàn diện hơn. Chính quyền Obama coi KORUS FTA là minh chứng cho cam kết của Mỹ đối với Châu Á (một phần của chiến lược “xoay trục” sang Châu Á). Về phía Hàn Quốc, hiệp định này thể hiện lựa chọn chiến lược đứng về phía các nền kinh tế thị trường tự do và gắn bó lâu dài với Mỹ. KORUS FTA cũng tạo thế cân bằng cho Hàn Quốc trước sức ép kinh tế ngày một lớn từ Trung Quốc: nhờ có KORUS, Hàn Quốc ít phụ thuộc tuyệt đối vào thị trường Trung Quốc, đồng thời có thể giảm nguy cơ bị Trung Quốc chèn ép. Thực tế, khi quan hệ Hàn Quốc - Trung Quốc xấu đi vào năm 2017 do vấn đề THAAD, thương mại Hàn Quốc - Mỹ trở thành điểm tựa giúp kinh tế Hàn Quốc ổn định hơn (Kim, 2017). Ngoài ra, KORUS FTA còn nâng tầm vị thế quốc tế của Hàn Quốc: là nước Châu Á đầu tiên (ngoài Nhật Bản) ký FTA với Mỹ, Hàn Quốc chứng tỏ được vai trò cầu nối giữa các nền kinh tế lớn, tạo tiền đề để sau đó gia nhập nhóm các nước tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các sáng kiến kinh tế khu vực khác.

4.2. Korea-China FTA: Lợi ích, rủi ro và chiến lược cân bằng địa kinh tế

Quan hệ kinh tế giữa Hàn Quốc và Trung Quốc phát triển bùng nổ sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992. Trung Quốc nhanh chóng trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Hàn Quốc từ đầu những năm 2000, chiếm tới khoảng 1/4 tổng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc (Song, 2011). Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế gia tăng tạo tiền đề cho ý tưởng về một FTA song phương. Từ đầu những năm 2000, Bắc Kinh và Seoul đã nghiên cứu tính khả thi của FTA, nhưng các lo ngại về cạnh tranh trong nông nghiệp và công nghiệp khiến tiến trình chậm lại. Phải đến sau 2012, với việc Hàn Quốc đã hoàn tất FTA với cả Mỹ và EU, hai bên mới thực sự tăng tốc đàm phán FTA. Chính quyền Tổng thống Park Geun-hye (2013-

2017) chủ trương “ngoại giao cân bằng” với các nước lớn và tích cực thúc đẩy thỏa thuận với Trung Quốc nhằm vừa thu lợi kinh tế, vừa thắt chặt quan hệ chính trị với Bắc Kinh. Sau 14 vòng đàm phán căng thẳng, Hiệp định Thương mại Tự do Hàn Quốc - Trung Quốc được ký kết tháng 6/2015 và có hiệu lực từ tháng 12/2015. Đây là FTA song phương lớn thứ hai của Hàn Quốc (sau KORUS) và đặc biệt quan trọng vì lần đầu tiên Hàn Quốc ký FTA với một nước láng giềng cận kề vừa là đối tác thương mại số một, vừa là một cường quốc trên thế giới.

FTA Hàn Quốc - Trung Quốc về cơ bản tự do hóa thương mại hàng hóa, với lộ trình xóa bỏ thuế quan cho khoảng 90% số mặt hàng trong vòng 20 năm. So với KORUS, hiệp định với Trung Quốc ít tham vọng hơn về mức độ cam kết: một số lĩnh vực nhạy cảm của Hàn Quốc như gạo, thịt bò, ô tô, một số sản phẩm điện tử được loại khỏi cam kết cắt giảm thuế; lĩnh vực dịch vụ và đầu tư mở cửa hạn chế, được tách ra đàm phán giai đoạn 2 sau khi hàng hóa đã thực thi. Dù vậy, hiệp định vẫn bao quát các chương về thủ tục hải quan, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh,... nhằm tạo thuận lợi thương mại tối đa. Lợi ích trước mắt đối với Hàn Quốc là củng cố thị phần ở thị trường Trung Quốc trong các ngành mà họ có thế mạnh (điện tử, hóa chất, ô tô phụ tùng, hàng tiêu dùng, văn hóa phẩm,...). Ngay sau FTA, kim ngạch thương mại hai chiều Hàn - Trung tăng trưởng tích cực, từ 227,4 tỷ USD năm 2015 lên 267,6 tỷ USD năm 2021 (tăng khoảng 17,7%) (Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc, 2024). Trung Quốc tiếp tục là nguồn xuất siêu lớn nhất cho Hàn Quốc, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp Hàn Quốc được hưởng ưu đãi thuế quan giúp hàng hóa cạnh tranh hơn so với đối thủ từ Nhật Bản, Đài Loan (những nước chưa có FTA với Trung Quốc vào thời điểm đó). Ngược lại, FTA cũng tạo thuận lợi cho hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc vào Hàn Quốc, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng và doanh nghiệp nhập khẩu Hàn Quốc. Ngoài ra, việc hai nước có FTA song phương cũng tạo động lực hợp tác kinh tế khu vực: Hàn Quốc và Trung Quốc (cùng với Nhật Bản) đẩy mạnh đàm phán FTA ba bên và sau này cùng tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP, ký kết năm 2020) nhằm xây dựng một cấu trúc thương mại tự do Đông Á do Châu Á dẫn dắt.

Mặc dù đem lại nhiều lợi ích kinh tế, FTA Hàn Quốc - Trung Quốc cũng bộc lộ không ít rủi ro, chủ yếu xuất phát từ mối quan hệ đan xen kinh tế và chính trị giữa hai nước. Hàn Quốc ngày càng phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, dẫn đến lo ngại về mất cân bằng chiến lược. Trước FTA, Trung Quốc đã chiếm tới 25% xuất khẩu của Hàn Quốc (năm 2010) (Song, 2011); sau FTA tỷ trọng này duy trì ở mức cao, có năm lên gần 30% nếu tính cả qua Hong Kong. Sự phụ thuộc này trở thành “con dao hai lưỡi”: trong giai đoạn quan hệ hữu hảo, kinh tế Hàn Quốc hưởng lợi lớn; nhưng nếu quan hệ xấu đi, Seoul dễ bị tổn thương. Quả thực, ngay sau khi FTA có hiệu lực chưa đầy 2 năm, khủng hoảng THAAD 2017 đã thử thách mối quan hệ kinh tế song phương. Phía Trung Quốc kịch liệt phản đối Hàn Quốc cho phép Mỹ triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa THAAD và Bắc Kinh đã sử dụng các biện pháp trả đũa kinh tế, bất chấp tinh thần FTA. Cụ thể, chính quyền Trung Quốc áp dụng hàng loạt biện pháp hạn chế ngầm đối với doanh nghiệp Hàn Quốc: từ cấm tour du lịch Trung Quốc sang Hàn, đóng cửa các siêu thị Lotte tại Trung Quốc với lý do vi phạm quy định, đình trệ thông quan hàng hóa Hàn Quốc, cho đến kêu gọi tẩy chay văn hóa phẩm Hàn Quốc. Những động thái này vi phạm tinh thần tự do thương mại của FTA, nhưng Hàn Quốc hầu như không có công cụ hữu hiệu để phản ứng, do e ngại làm căng thẳng leo thang. Các chuyên gia nhận định sự kiện THAAD cho thấy Bắc Kinh sẵn sàng gạt bỏ cam kết FTA khi lợi ích an ninh bị thách thức và rằng FTA chưa đủ để đảm bảo môi trường kinh doanh “tự do và công bằng” nếu Trung Quốc quyết định sử dụng cường ép kinh tế (Kim, 2017). Kết quả là, niềm tin của giới doanh nghiệp Hàn Quốc tại Trung Quốc lung lay; một số công ty phải rút bớt đầu tư. Hàn Quốc cũng nhận ra rủi ro của việc đặt “quá nhiều trứng vào một giỏ” và bắt đầu chiến lược giảm phụ thuộc bằng đa dạng hóa thị trường (thông qua chính sách “Hướng Nam mới” tập trung vào ASEAN, Ấn Độ) và tìm kiếm các hiệp định thương mại với những đối tác khác (CPTPP, hợp tác với Châu Âu,...).

Nhìn chung, chiến lược cân bằng địa kinh tế của Hàn Quốc thể hiện rõ qua hai FTA với Mỹ và Trung Quốc. Seoul đã đạt được mục tiêu “vẹn cả đôi đường” về kinh tế khi vừa cùng cố liên minh với Mỹ, vừa duy trì quan hệ đối tác với Trung Quốc. Tuy vậy, sự cân bằng này mong manh và đòi hỏi Hàn Quốc không ngừng điều chỉnh chính sách. Gần đây, Hàn Quốc tỏ ra quan tâm hơn đến việc giảm rủi ro (de-risking) trong quan hệ với Trung Quốc. Chẳng hạn siết chặt quản lý xuất khẩu công nghệ cao sang Trung Quốc, tham gia các sáng kiến chuỗi cung ứng không có Trung Quốc như Chip4, Indo-Pacific Economic Framework, ... Song song đó, Seoul và Bắc Kinh đã thống nhất tái khởi động đàm phán FTA giai đoạn 2 để mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ, đầu tư (Jang, 2024). Điều này cho thấy cả hai bên đều hiểu rằng duy trì kênh đối thoại kinh tế là cần thiết để quản lý quan hệ song phương trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung có thể kéo dài. Về dài hạn, hiệu quả của FTA Hàn Quốc - Trung Quốc sẽ phụ thuộc nhiều vào việc hai nước có tách bạch kinh tế khỏi chính trị được hay không. Đối với Hàn Quốc, bài toán đặt ra là làm sao đa dạng hóa quan hệ kinh tế (như với ASEAN, EU, Ấn Độ) để giảm sức ép từ Trung Quốc, đồng thời giữ ổn định kênh hợp tác hiện có với Bắc Kinh. Đây sẽ tiếp tục là một cân bằng tinh tế trong ngoại giao kinh tế của Seoul.

4.3. VKFTA: Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hàn Quốc và bài học từ hợp tác song phương

Việt Nam và Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992, cùng năm Hàn Quốc thiết lập quan hệ với Trung Quốc. Từ đó, quan hệ kinh tế Hàn - Việt thăng hoa nhanh chóng, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập WTO (2007) và hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác hợp tác chiến lược vào năm 2009. Việt Nam trở thành đối tác trọng tâm của Hàn Quốc trong chiến lược hướng tới Đông Nam Á. Với Việt Nam, Hàn Quốc cũng vươn lên thành một trong những nhà đầu tư và đối tác thương mại lớn nhất. Trong bối cảnh đó, hai nước đồng ý khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) từ cuối năm 2012. VKFTA được đàm phán song song với Hiệp định Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu và Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà Việt Nam tham gia, cho thấy Việt Nam chủ động hội nhập sâu rộng. Hiệp định VKFTA được ký kết vào ngày 5/5/2015 và có hiệu lực từ 20/12/2015. Đây là FTA song phương đầu tiên của Việt Nam với một đối tác Châu Á (sau FTA với Nhật Bản năm 2008) và cũng là FTA song phương đầu tiên mà Hàn Quốc ký với một nước đang phát triển (ngoài các FTA khu vực). VKFTA mang ý nghĩa chiến lược: một mặt, hỗ trợ cho Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) đã có hiệu lực từ 2007, mặt khác phản ánh mối quan hệ đặc thù Hàn - Việt khi hai nước muốn dành cho nhau những ưu đãi sâu rộng hơn mức trong AKFTA (Bộ Công Thương, n.d.). VKFTA cũng được nhìn nhận như một bước đi cụ thể triển khai quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược, tạo nền tảng kinh tế vững chắc góp phần thúc đẩy hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào năm 2022.

VKFTA gồm 17 chương, cam kết mở cửa mạnh mẽ trong lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, trên cơ sở các quy định của WTO và các hiệp định ASEAN+ mà hai nước đã tham gia. Về hàng hóa, hai bên cắt giảm thuế quan thêm so với AKFTA: Hàn Quốc cam kết xóa bỏ thuế quan đối với 95% dòng thuế nhập khẩu từ Việt Nam, Việt Nam xóa bỏ khoảng 90% dòng thuế nhập khẩu từ Hàn Quốc trong lộ trình 15 năm. Các mặt hàng Việt Nam được Hàn Quốc mở cửa ưu đãi gồm: nông sản nhiệt đới (hoa quả tươi, cà phê, hồ tiêu), thủy sản, dệt may, đồ gỗ, ... Ngược lại, Việt Nam dành ưu đãi cho hàng Hàn Quốc ở các lĩnh vực: nguyên phụ liệu dệt may, linh kiện điện tử, ô tô dưới 2500cc, sản phẩm nhựa, hóa chất, ... Về dịch vụ, Hàn Quốc mở cửa thêm trong các ngành như viễn thông, xây dựng, phân phối; Việt Nam cũng tạo thuận lợi cho một số dịch vụ Hàn Quốc như bảo hiểm phi nhân thọ, kiến trúc, kỹ thuật. Đặc biệt, VKFTA có điều khoản tạo thuận lợi cho di chuyển nhân sự: Hàn Quốc tăng hạn ngạch và nới điều kiện cấp visa cho lao động kỹ thuật cao và doanh nhân Việt Nam sang Hàn Quốc làm việc. Về đầu tư, hiệp định bổ sung cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ICSID và

UNCITRAL) nhằm bảo hộ nhà đầu tư hai bên tốt hơn (Bộ Công Thương, n.d.). Nhìn chung, VKFTA là một FTA “thế hệ mới” tương đối toàn diện, phù hợp với mức độ phát triển của Việt Nam và lợi ích của cả hai phía.

Từ khi thực thi, VKFTA đã trở thành động lực chính thúc đẩy quan hệ kinh tế Hàn - Việt tăng trưởng vượt bậc. Thương mại hai chiều tăng trung bình khoảng 16% mỗi năm giai đoạn 2016-2021. Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Trung Quốc, Mỹ) với kim ngạch năm 2022 đạt khoảng 87,7 tỷ USD. Đáng chú ý, xuất khẩu của Hàn Quốc sang Việt Nam tăng mạnh, đạt 61,1 tỷ USD năm 2022 (The Observatory of Economic Complexity, n.d.), đưa Việt Nam trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Hàn Quốc sau Trung Quốc, Mỹ (Workman, 2024). Ở chiều ngược lại, xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc cũng tăng nhanh, đạt 26,6 tỷ USD năm 2022 (The Observatory of Economic Complexity, n.d.). Cơ cấu thương mại cho thấy tính bổ trợ: Hàn Quốc xuất sang Việt Nam chủ yếu máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu sản xuất; Việt Nam xuất sang Hàn Quốc các mặt hàng tiêu dùng, nông thủy sản và một phần là hàng gia công lắp ráp. Nhờ VKFTA, Việt Nam có thêm ưu đãi để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm dần phụ thuộc vào Trung Quốc và một số thị trường truyền thống. Hàn Quốc thì cũng cố được chuỗi cung ứng tại Việt Nam, khi nhiều nguyên liệu, linh kiện được nhập khẩu miễn thuế để phục vụ các nhà máy của họ đặt ở Việt Nam.

Về đầu tư, Hàn Quốc vươn lên thành nhà đầu tư nước ngoài số 1 tại Việt Nam tính lũy kế đến nay. Tính đến tháng 01 năm 2025, đã có 55 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu với tổng số vốn đầu tư hơn 1,25 tỷ USD, chiếm hơn 28,9% tổng số vốn FDI tại Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2025). Các tập đoàn lớn của Hàn Quốc như Samsung, LG, SK, Hyundai, POSCO đã đầu tư những dự án quy mô hàng tỷ USD ở Việt Nam, đưa Việt Nam thành cứ điểm sản xuất toàn cầu của họ. Chẳng hạn, Samsung hiện sản xuất gần một nửa sản lượng điện thoại di động của hãng tại Việt Nam để xuất khẩu đi khắp thế giới. VKFTA tạo môi trường thuận lợi và niềm tin cho dòng vốn Hàn Quốc tiếp tục mở rộng tại Việt Nam. Nhờ nguồn vốn và công nghệ từ Hàn Quốc, Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa, tạo hàng triệu việc làm, nâng cao tay nghề lao động và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thông qua VKFTA, Việt Nam và Hàn Quốc dành cho nhau những ưu đãi riêng vượt trội, từ đó kích thích dòng chảy thương mại, đầu tư mạnh hơn so với trước. Thống kê cho thấy nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam tăng trưởng đột biến sau VKFTA, tiêu biểu có thể kể đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hàn Quốc tăng từ 585 triệu USD năm 2015 lên 787 triệu USD năm 2023, tăng 35% (Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản, VASEP), đưa Hàn Quốc thành một trong các thị trường lớn của thủy sản Việt Nam.

Thành công của VKFTA phần nào phản ánh sự tương đồng về định hướng phát triển: cả Việt Nam và Hàn Quốc đều coi trọng mở cửa kinh tế, thu hút đầu tư và gắn kết vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Khi mục tiêu phát triển hòa hợp, FTA trở thành công cụ để hai nước hỗ trợ lẫn nhau cùng tiến. Chính phủ hai bên cũng đã rất nỗ lực đồng hành cùng doanh nghiệp để hiện thực hóa cơ hội từ VKFTA (thành lập ủy ban hỗn hợp, cơ chế đối thoại định kỳ để tháo gỡ vướng mắc thực thi). Một khía cạnh quan trọng là vai trò của yếu tố chính trị - xã hội trong hợp tác Hàn - Việt. Quan hệ hữu nghị tốt đẹp, sự hiểu biết lẫn nhau thể hiện qua giao lưu văn hóa, cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc và ngược lại, tạo nền tảng vững chắc cho quan hệ kinh tế phát triển. Quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam cho thấy khi niềm tin chiến lược được củng cố (qua việc nâng cấp quan hệ ngoại giao và tiếp xúc cấp cao thường xuyên), các thỏa thuận kinh tế sẽ được triển khai thuận lợi và mang lại hiệu quả tối đa (Mai, 2023). Đây là bài học quan trọng: ngoại giao kinh tế không tách rời ngoại giao chính trị, mà hai lĩnh vực này hỗ trợ lẫn nhau.

4.4. Thách thức chiến lược và tác động dài hạn của mạng lưới FTA

Mở rộng mạng lưới FTA giúp Hàn Quốc đa dạng hóa đối tác nhưng cũng đặt ra thách

thực chiến lược khi phải cân bằng giữa các khối lợi ích lớn. Từ phân tích của Park (2016) chỉ ra Hàn Quốc phải liên tục cân đối giữa lợi ích an ninh (liên minh với Mỹ) và lợi ích kinh tế (kinh doanh với Trung Quốc). Có thể thấy, dưới thời Tổng thống Lee Myung-bak, Seoul đã củng cố liên minh Mỹ (FTA với Mỹ là trụ cột kinh tế), song điều đó khiến quan hệ với Bắc Kinh lạnh nhạt, phản ánh khó khăn của chính phủ khi “giằng co” giữa hai cường quốc. Đến chính quyền Tổng thống Moon, việc ký RCEP và tăng cường quan hệ với ASEAN nhằm giảm phụ thuộc vào một bên, thể hiện được nhu cầu giữ thế cân bằng chiến lược.

Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới cũng mang rủi ro bên trong Hàn Quốc. Điển hình là các điều khoản giải quyết tranh chấp Nhà nước-Nhà đầu tư (ISDS): Cơ chế này cho phép doanh nghiệp nước ngoài kiện chính phủ nếu cho là bị bất công sau thay đổi luật. Những quy định ISDS trong KORUS FTA và các FTA hậu 2010 đã gặp phản ứng mạnh mẽ tại Hàn Quốc - nhiều nghị sĩ và nhóm xã hội dân sự lo ngại FTA có thể hạn chế cải cách trong nước và trao ưu thế quá lớn cho nhà đầu tư nước ngoài. Thậm chí trong quá trình tái đàm phán KORUS năm 2018, phía Hàn Quốc đã cân nhắc bãi bỏ ISDS để đáp ứng chỉ trích trong nước (Schott, 2018).

5. Kết luận

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, Hàn Quốc đã thực hiện chính sách ngoại giao kinh tế thông qua việc đàm phán và ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do chất lượng cao. Các FTA tiêu biểu được phân tích đã phản ánh rõ nét chiến lược và hiệu quả của chính sách này. Thứ nhất, các FTA đã giúp Hàn Quốc mở rộng thị trường, thúc đẩy thương mại và đầu tư, trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Nhờ KORUS FTA, Hàn Quốc giữ vững quan hệ kinh tế mật thiết với Mỹ - thị trường công nghệ cao hàng đầu, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn thể chế trong nước cho phù hợp luật chơi toàn cầu. FTA với Trung Quốc đảm bảo cho Hàn Quốc một chỗ đứng vững chắc tại thị trường lớn nhất thế giới, tận dụng được cơ hội từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. VKFTA giúp Hàn Quốc đa dạng hóa nguồn cung ứng và đầu tư, khai thác tiềm năng của các nền kinh tế mới nổi. Thứ hai, các FTA đóng vai trò như công cụ địa chiến lược để Hàn Quốc củng cố quan hệ với các đối tác trọng yếu và nâng cao vị thế quốc tế. KORUS FTA tăng cường nền tảng kinh tế cho liên minh Hàn - Mỹ, FTA với Trung Quốc tạo kênh đối thoại kinh tế song phương giữa bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung, còn VKFTA đưa Việt Nam trở thành điểm tựa của Hàn Quốc tại Đông Nam Á. Có thể thấy, Hàn Quốc đã khéo léo xây dựng một mạng lưới quan hệ kinh tế đa tầng, đa trục, vừa ăn sâu vào các trung tâm kinh tế lớn (Mỹ, Trung Quốc), vừa vươn rộng sang các thị trường đang phát triển đầy tiềm năng như Đông Nam Á. Điều này tạo nên sức bật ngoại giao cho Seoul: tiếng nói và lợi ích của Hàn Quốc được đan xen trong nhiều cấu trúc kinh tế khu vực, giúp nước này gia tăng ảnh hưởng như một cường quốc tầm trung chủ động và sáng tạo.

Bảng 1. Mạng lưới FTA chính và lợi ích đi kèm của Hàn Quốc

Đối tác - Hiệp định FTA	Lợi ích kinh tế chính	Lợi ích chiến lược
Mỹ (KORUS FTA)	Mở rộng xuất khẩu ô tô, đồ điện tử, nông sản vào Mỹ. Tiếp cận thị trường công nghiệp và công nghệ lớn.	Củng cố liên minh chiến lược với Mỹ (gắn kết quân sự - kinh tế), tăng sức mạnh đối ngoại của Hàn Quốc.
Trung Quốc (Korea-China FTA)	Khai thác thị trường khổng lồ, dòng vốn đầu tư từ doanh nghiệp Hàn Quốc vào Trung Quốc. Xuất khẩu nông thủy sản, hàng tiêu dùng, giảm chi phí thương mại.	Duy trì cân bằng chiến lược ở Đông Bắc Á. Tăng cường vai trò trong khu vực. Giảm phụ thuộc vào Mỹ.

Đối tác - Hiệp định FTA	Lợi ích kinh tế chính	Lợi ích chiến lược
Liên minh châu Âu (EU-Korea FTA)	Thị trường EU lớn với tiêu chuẩn cao (hóa chất, nông sản, hàng công nghệ). Hợp tác về tiêu chuẩn lao động, môi trường nâng tầm sản phẩm xuất khẩu.	Tăng uy tín quốc tế, khẳng định vai trò “cầu nối” với châu Âu, chuẩn bị cho thỏa thuận cao cấp khác (như TPP).
ASEAN (ASEAN-Korea FTA)	Tiếp cận thị trường Đông Nam Á đang tăng trưởng. Phát triển chuỗi cung ứng ở khu vực, đồng thời tham gia FTA đa phương RCEP với châu Á-Thái Bình Dương.	Định vị Hàn Quốc như một trung tâm liên kết kinh tế ở châu Á. Thúc đẩy chính sách hướng Nam mới, tăng cường ảnh hưởng chính trị trong khối ASEAN.
Việt Nam (VKFTA)	Tăng cường thương mại hai chiều, chuỗi cung ứng, đầu tư nước ngoài (FDI). Đẩy mạnh xuất khẩu nông thủy sản và dịch vụ.	Mở rộng quan hệ chiến lược, giúp Hàn Quốc củng cố vai trò tại ASEAN, đóng vai trò trung tâm trong các sáng kiến kinh tế khu vực (như RCEP)

Tài liệu tham khảo

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2025, February 4). *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tháng 01 năm 2025*. <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2025-2-4/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-thang-01-nam-2xays7z.aspx>
- Bộ Công Thương. (n.d.). *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)*. <https://vntr.moit.gov.vn/vi/fta/21/2>
- Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc. (2024, December 9). *제 6 차 한중 자유무역협정(FTA) 공동위원회 개최 [The 6th Korea-China Free Trade Agreement (FTA) Joint Committee Held]*. FTA Integration Platform. <https://www.gov.kr/portal/ntnadmNews/4104521>
- Jang, H. (2024, May 27). *한중, FTA 2 단계 협상재개 합의... ‘외교안보대화’ 신설도 [South Korea and China agree to resume FTA phase two negotiations and establish ‘Diplomatic and Security Dialogue’]*. Yonhap News Agency. <https://www.yna.co.kr/view/MYH20240527001000641>
- Kim, K. (2017, September 11). *THAAD reprisals undermine China FTA*. The Korea Herald. <https://www.koreaherald.com/article/1442426>
- Koo, K. H., Suh, J. K., Kim, J. D., Kim, H. S., Kang, G. S., Kang, J. G., Kim, H. H., Keum, H. Y., Um, J. H., & Kang, M. J. (2022, March 11). *한미 FTA 발효 10 년 성과와 시사점 [10 Years of Korea-US FTA Implementation and Implications]*. Korea Institute for International Economic Policy (KIEP).
- Lowy Institute. (n.d.). *Economic diplomacy*. Asia Power Index. <https://power.lowyinstitute.org/data/economic-relationships/economic-diplomacy/>
- Mai Thị Dinh. (2023, June 15). Quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Hàn Quốc và những định hướng tương lai. *Tap chí Cộng sản điện tử*. <https://tapchi>

congsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/
quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-han-quoc-va-nhung-dinh-
huong-trong-tuong-lai

- Ministry of Foreign Affairs, Republic of Korea. (2019, November 12). *Opening Remarks by President Moon Jae-in at Cabinet Meeting*. https://www.mofa.go.kr/eng/brd/m_5674/view.do?seq=319980
- Nguyễn Hoàng & Nhật Bắc. (10/12/2014). *Việt Nam - Hàn Quốc kết thúc đàm phán FTA*. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/viet-nam-han-quoc-ket-thuc-dam-phan-fta-102175645.htm>
- Park, J. (2016). *Korea between the United States and China: How does hedging work?*. Korea Economic Institute of America. https://keia.org/wp-content/uploads/2020/05/korea_between_the_united_states_and_china.pdf
- Schott, J. J. (2018, January 26). *Fixing the KORUS FTA-Without fireworks*. Peterson Institute for International Economics. <https://www.piie.com/blogs/trade-and-investment-policy-watch/fixing-korus-fta-without-fireworks>
- Sohn, C. (2001). *Korea's FTA developments: Experiences and perspectives with Chile, Japan, and the U.S.* Pacific Economic Cooperation Council. <https://www.pecc.org/resources/trade-and-investment-1/21-koreas-fta-developments-experiences-and-perspectives-with-chile-japan-and-the-us/file>
- Song, S., & Chung, S. (Eds). (2011, January 6). *S. Korea's export dependency on China rises in 2010: Analysis*. Pulse by Maeil Business News Korea. <https://pulse.mk.co.kr/news/english/4838039>
- Stangarone, T. (2022, December 28). *2022 in review: 10th anniversary of the KORUS FTA and future of U.S.-Korea economic relations*. Korea Economic Institute of America (KEI). <https://keia.org/the-peninsula/2022-in-review-10th-anniversary-of-the-korus-fta-and-future-of-u-s-korea-economic-relations/>
- The Observatory of Economic Complexity. (n.d.). *South Korea (KOR) and Vietnam (VNM) Trade*. <https://oec.world/en/profile/bilateral-country/kor/partner/vnm>
- Wefer, C. (2021). *Building on the middle: Diversifying South Korea's foreign policy narrative and economic ties* (Special Report No. 6). Korea Economic Institute. https://keia.org/wp-content/uploads/2021/11/KEI_SMA_Carolin-Wefer.pdf
- Wolff, A. W., & Yeo, H. (2024). *Korea's trade policy agenda in an uncertain US trade environment* (Working Paper No. 24-19). Peterson Institute for International Economics. <https://www.piie.com/sites/default/files/2024-07/wp24-19.pdf>
- Workman, D. (2024, March 15). *South Korea's Top Trading Partners. World's Top Exports*. <https://www.worldstopexports.com/south-koreas-top-import-partners/>